

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-TTg ngày 21/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2018 của Hợp phần Ứng phó với BĐKH trong Chương trình mục tiêu Ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh;

Căn cứ Kịch bản BĐKH, nước biển dâng cho Việt Nam do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố năm 2016;

Căn cứ Công văn số 180/BTNMT-KHTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh (nguồn vốn sự nghiệp);

Căn cứ Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”; Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán và giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5249/SKHĐT-QH ngày 07/9/2020, kèm theo Công văn số 5975/STNMT-BHĐ ngày 28/8/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh

Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm xác định những nhiệm vụ, giải pháp tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH; phòng, tránh và giảm thiểu những hiểm họa do BĐKH đem lại, bảo đảm cuộc sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021-2025

- Các Sở, ngành và địa phương hoàn thành xây dựng kế hoạch hành động ứng phó cụ thể với BĐKH của ngành, địa phương mình trên cơ sở “Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

- Nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH của các ngành, các cấp và cộng đồng để ứng phó kịp thời, hiệu quả trước BĐKH;

- Xây dựng được một hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh về khí tượng thủy văn và BĐKH, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh.

b) Giai đoạn 2026-2030

- Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, dự án liên quan thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho từng ngành, lĩnh vực cụ thể một cách hiệu quả;

- Ứng dụng hiệu quả khoa học công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến để hướng tới nền công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

- Thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư từ cộng đồng quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, tư nhân cho ứng phó với BĐKH.

c) Tầm nhìn đến năm 2050

- Các quy hoạch, kế hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực ở cấp tỉnh, cấp huyện được lồng ghép các biện pháp ứng phó với BĐKH thực sự hiệu quả;

- Mở rộng, tập trung đầu tư các chương trình, dự án trọng điểm thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh;

- Có định hướng phát triển mới nhằm xây dựng, củng cố nền kinh tế carbon thấp có khả năng chống chịu và thích ứng cao với các tác động của BĐKH.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

2.1. Đối với các ngành, lĩnh vực

2.1.1. Đối với ngành nông nghiệp

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với BĐKH; Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác mới có sự quan tâm nhiều hơn về môi trường và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên;

- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn, giám sát BĐKH phục vụ việc dự báo, cảnh báo sớm các loại hình thiên tai, các loại hình khí hậu cực đoan. Chủ động ứng phó, phòng chống thiên tai, chống ngập lụt, xâm nhập mặn, củng cố hệ thống đê sông, đê biển và đảm bảo an toàn hồ chứa, các công trình dân sinh, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai;

- Bảo vệ tốt vốn rừng hiện có, nâng cao độ che phủ rừng. Tập trung có hiệu quả việc giao khoán rừng, xây dựng mô hình quản lý rừng bền vững có hiệu quả, xây dựng mô hình sản xuất nông lâm kết hợp hiệu quả cao.

2.1.2. Đối với ngành công nghiệp - xây dựng và phát triển năng lượng

- Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng các- bon thấp, tái cấu trúc các ngành kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực tiêu tốn ít năng lượng; từng bước hạn chế phát triển các nhóm ngành kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp;

- Đẩy mạnh xúc tiến kêu gọi đầu tư vào khu kinh tế Nghi Sơn, đầu tư phát triển các KCN mới, lấp đầy các KCN hiện có. Phấn đấu đưa Nghi Sơn trở thành khu kinh tế động lực của tỉnh và vùng Nam Thanh Bắc Nghệ;

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỉ trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng quốc gia. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

2.1.3. Đối với ngành thương mại, dịch vụ

Đảm bảo ứng phó với BĐKH một cách chủ động, giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của tự nhiên đến hoạt động thương mại và dịch vụ; chủ động liên kết và lên phương án phối hợp, ứng phó với BĐKH, đối với các tình huống, các phương án có thể xảy ra; Chủ động liên kết và lên phương án phối hợp, ứng phó với BĐKH, đối với các tình huống, các phương án có thể xảy ra của ngành.

2.1.4. Đối với các lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Giáo dục: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho toàn xã hội về BĐKH; đưa nội dung ứng phó với BĐKH vào chương trình đào tạo các cấp học; tăng cường mối quan hệ hợp tác phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu về BĐKH; xây dựng và phối hợp triển khai chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về BĐKH cho các ngành, các địa phương.

- Y tế, sức khỏe cộng đồng: Tăng cường công tác y tế; nâng cấp cải tạo, xây mới cơ sở hạ tầng phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng; tăng cường phòng chống dịch bệnh do BĐKH; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ y tế cơ sở trong bối cảnh BĐKH.

- Văn hóa, thể thao và du lịch: Thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch; thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh; tận dụng nguồn lực của ngành để tăng cường tuyên truyền về các biện pháp ứng phó với BĐKH.

- Xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân: Đẩy mạnh việc hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề cho nông dân, ngư dân phát triển sinh kế, đặc biệt là nhóm đối tượng thường xuyên chịu ảnh hưởng của rủi ro, thiên tai; hỗ trợ vay vốn tạo việc làm, gắn chặt hỗ trợ vay tín dụng với dạy nghề, khuyến nông, lâm ngư, tăng cường các hoạt động tư vấn và giới thiệu việc làm gắn với nhu cầu cần chuyển đổi việc làm của nông dân và ngư dân.

2.1.5. Đối với phát triển hạ tầng

- Phát triển hạ tầng phải tính đến các nguy cơ có thể xảy ra từ BĐKH, đặc biệt là các nhân tố tác động trực tiếp đến kết cấu hạ tầng và kiến trúc công trình; định hướng phát triển kết cấu hạ tầng đi đôi với phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ; đảm bảo an toàn cho hệ thống công trình hạ tầng dân sinh, công trình phòng tránh thiên tai;

- Có những nghiên cứu, giải pháp tối ưu để ứng phó với các tác động của BĐKH, kết hợp nhiều biện pháp để đạt hiệu quả tối ưu trong công tác ứng phó với BĐKH trong phát triển hạ tầng mà không làm ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực khác.

2.1.6. Đối với quản lý sử dụng tài nguyên đất

- Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; bảo vệ, phòng chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa, thoái hóa đất canh tác nông nghiệp;

- Xây dựng bộ tiêu chí về sử dụng đất hợp lý, hiệu quả và bền vững làm căn cứ để lập quy hoạch, giám sát, đánh giá việc sử dụng đất trong bối cảnh BĐKH;

- Bố trí ổn định diện tích đất cho phát triển Lâm nghiệp; bố trí tối ưu nhu cầu sử dụng đất cho các dự án, công trình đã được ghi trong quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH và quy hoạch các ngành, lĩnh vực có tính đến hậu quả của BĐKH;

- Ưu tiên bố trí quy hoạch sử dụng đất đối với các công trình thủy lợi nhằm mở rộng đất nông nghiệp và đầu tư thâm canh tăng vụ, tăng năng suất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để nâng cao hiệu quả sử dụng đất;

- Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch đất cho các đô thị, khu vực dân cư ở vùng núi, vùng biển đặc biệt những nơi có nguy cơ bị ảnh hưởng của lũ lụt, sạt lở đất và nước biển dâng.

2.1.7. Đối với khai thác và bảo vệ tài nguyên nước, khoáng sản

- Đẩy mạnh điều tra cơ bản, quy hoạch, quan trắc, giám sát tài nguyên nước và giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước; phát triển hoàn thiện hệ thống hạ tầng công trình thủy lợi tăng khả năng dự báo theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa đáp ứng yêu cầu ứng phó với BĐKH; tăng

cường các biện pháp tích nước, điều hòa; sử dụng kịp thời, tiết kiệm tài nguyên nước và phát triển các mô hình sử dụng nước hiệu quả; tăng cường các biện pháp chủ động kiểm soát, giám sát ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; sử dụng nguồn nước khoa học, tiết kiệm và hợp lý; đáp ứng nhu cầu nước ngọt cho hoạt động sản xuất và dân sinh, đặc biệt ở khu vực thường xuyên bị hạn hán, xâm nhập mặn;

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế về các loại khoáng sản chiến lược quan trọng; thúc đẩy chế biến sâu, hạn chế xuất khẩu thô khoáng sản; có chiến lược dự trữ, nhập khẩu khoáng sản chiến lược, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội lâu dài của đất nước; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động khoáng sản; có chế tài đủ mạnh để ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

2.1.8. Đối với Bảo vệ môi trường và Đa dạng sinh học

- Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, đặc biệt ô nhiễm tại các khu, cụm công nghiệp, các mỏ khai thác chế biến khoáng sản, các làng nghề, lưu vực sông, các đô thị lớn và khu vực nông thôn; kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị, thành phố có mật độ dân cư cao. Kiểm soát ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống nhân dân; đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, xử lý chất thải rắn, nước thải, quản lý chất thải nguy hại. Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải;

- Rà soát, hoàn thiện thể chế quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên mới, bảo vệ các hành lang đa dạng sinh học theo quy định của Luật đa dạng sinh học và các luật liên quan; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế trong bối cảnh BĐKH;

- Triển khai các giải pháp bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học thông qua chính sách cụ thể để thu hút các thành phần trong xã hội tham gia để bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng cao do BĐKH;

- Chú trọng bảo vệ, khai thác hợp lý cảnh quan, dịch vụ hệ sinh thái và các khu di sản thiên nhiên; thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái, phát triển dịch vụ du lịch "xanh" thân thiện với môi trường.

2.2. Đối với từng khu vực

a) Khu vực ven biển

- Xây dựng hành lang, khu vực kinh tế ven biển và quy hoạch các ngành nghề có tính tới các kịch bản và nguy cơ có thể xảy ra do BĐKH;

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các cảng cá, các khu trú, tránh trú bão cho tàu thuyền trong tỉnh theo hướng đáp ứng các quy định của Luật Thủy sản;

- Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống đê, kè ven sông, ven biển; bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng ngập mặn đảm bảo an toàn dân cư và sản xuất, các cơ sở hạ tầng khu vực.

b) Khu vực đồng bằng

- Xây dựng hệ thống tưới tiêu trong nông nghiệp, nông thôn khoa học, tiết kiệm nước, kết hợp chuyển đổi một số loài cây trồng, thời vụ trồng ít sử dụng tới nguồn nước;

- Có giải pháp lưu trữ nguồn nước sạch và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, ưu tiên cho các hoạt động dân sinh, chống ngập úng tại các khu vực đô thị, dân cư tập trung;

- Ứng dụng công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm năng lượng trong sinh hoạt, sản xuất; áp dụng tiêu chuẩn trong xây dựng phù hợp với BĐKH; nâng cấp hạ tầng giao thông, cấp thoát nước.

c. Khu vực miền núi

- Hoàn thiện hệ thống cảnh báo nguy cơ xảy ra các hiện tượng lũ quét, lũ ống, sạt lở đất, cháy rừng; Quy hoạch, chủ động di dời, sắp xếp lại các khu dân cư, cụm dân cư phòng chống rủi ro, thiên tai;

- Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp thích ứng với điều kiện của BĐKH;

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục cho cộng đồng dân cư nâng cao nhận thức, năng lực để ứng phó với tác động của BĐKH.

2.3. Xây dựng danh mục các nhiệm vụ, dự án ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Danh mục các nhiệm vụ, dự án tại danh mục kèm theo)

III. CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

3.1. Giải pháp về tăng cường năng lực và thể chế chính sách

- Tăng cường công tác quản lý thực hiện Kế hoạch thông qua Ban chỉ đạo, phân công cụ thể trách nhiệm, nhiệm vụ của các thành viên Ban chỉ đạo trong việc quản lý thực hiện Kế hoạch và có những điều chỉnh kịp thời khi cần thiết;

- Tăng cường năng lực tổ chức, quản lý của lãnh đạo các đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành liên quan trong tỉnh về BĐKH và các vấn đề liên quan đến ứng phó với BĐKH;

- Đẩy mạnh phối hợp, tham gia của các cơ quan liên quan như: Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc thực hiện Kế hoạch, phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện Kế hoạch.

3.2. Giải pháp khoa học công nghệ

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, trao đổi thông tin và triển khai các nội dung cơ bản của chiến lược, chính sách về BĐKH. Cụ thể hóa chiến lược quốc gia về BĐKH bằng các đề tài, dự án nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH, dự báo, cảnh báo thiên tai;

- Củng cố và hoàn thiện tổ chức khoa học công nghệ ở các ngành và các cấp về BĐKH; đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động khoa học công nghệ về BĐKH ở các cấp, các ngành;

- Ứng dụng hiệu quả công nghệ về ứng phó với BĐKH trong các ngành, lĩnh vực; kết hợp với các sở, ban ngành đặc biệt là Sở Khoa học và Công nghệ, tiến hành triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên sâu về BĐKH và các giải pháp ứng phó với BĐKH một cách cụ thể.

3.3. Giải pháp về huy động nguồn lực

- Tăng cường, chủ động, kết nối với các bộ ngành, trung ương huy động nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các dự án về BĐKH; kêu gọi sự tham gia rộng rãi của các doanh nghiệp và cộng đồng trong thực hiện các hoạt động ứng phó với BĐKH;

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; huy động các nguồn lực, bao gồm nguồn xã hội hóa, nguồn tài chính của Trung ương, các dự án ODA, của các tổ chức phi chính phủ thông qua các chương trình, dự án phát triển và nhân rộng mô hình thích ứng, hỗ trợ sinh kế;;

- Đề nghị sự hỗ trợ, phân bổ kinh phí cho hoạt động ứng phó với BĐKH của Chính phủ, các Bộ ngành của Trung ương; có kế hoạch lồng ghép kế hoạch ứng phó với BĐKH vào các kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực thông qua các dự án phát triển cụ thể.

3. 4. Giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế

- Có phương án tiếp cận và sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ của quốc tế trong các vấn đề liên quan đến BĐKH, chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực; đề xuất các hướng tài trợ nhằm huy động tối đa sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực BĐKH;

- Hợp tác, kết nối với các chương trình quốc tế và khu vực, trao đổi thông tin, thiết lập mạng lưới đối tác song phương và đa phương về BĐKH.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh (Ban chỉ đạo)

Tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo điều phối, theo dõi đôn đốc các Sở ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch ứng phó với BĐKH của tỉnh.

4.2. Trách nhiệm các sở, ngành, địa phương và cơ quan liên quan

a) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo, đề xuất kiện toàn Ban chỉ đạo phù hợp với thực tế. Tham mưu giúp Ban chỉ đạo và UBND tỉnh trong việc quản lý và triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó BĐKH trên địa bàn tỉnh;

- Tham mưu tổ chức triển khai, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh;

- Phối hợp với các sở, ban ngành và các tổ chức, cá nhân xây dựng chương trình, đề tài, nhiệm vụ, dự án có liên quan đến lĩnh vực BĐKH để thực hiện tốt Kế hoạch ứng phó BĐKH của tỉnh;

- Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh kết quả thực hiện; Đề xuất chỉnh sửa bổ sung Kế hoạch hành động cho phù hợp với thực tế của tỉnh và chỉ đạo của cơ quan Trung ương (nếu có).

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương xây dựng và hướng dẫn thực hiện bộ khung tiêu chuẩn tích hợp BĐKH vào các chiến lược, chương trình, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội;

- Phối hợp với các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ chế giám sát việc thực hiện Kế hoạch; điều phối các nguồn vốn cho các đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ của Kế hoạch ứng phó BĐKH.

c) Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch và phân bổ hợp lý nguồn ngân sách phục vụ cho việc thực hiện Kế hoạch ứng phó BĐKH, kể cả phần tiếp nhận nguồn vốn viện trợ trong và ngoài tỉnh.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng của ngành, trong đó có phân kỳ giai đoạn thực hiện cho phù hợp;

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đánh giá tác động của BĐKH đến các lĩnh vực của ngành như: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản... để đề xuất giải pháp triển khai thực hiện;

- Xây dựng kế hoạch, phương án hộ đê toàn tuyến và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đê, kè công trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo an toàn cho công trình phục vụ công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH.

- Phối hợp với sở, ngành và UBND các các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch này.

e) Sở Khoa học và Công nghệ

- Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng của ngành, trong đó có phân kỳ giai đoạn thực hiện cho phù hợp;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các tổ chức khoa học trong và ngoài tỉnh đề xuất, xây dựng các nhiệm vụ khoa học công nghệ liên quan đến các nội dung về BĐKH;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai các hoạt động nghiên cứu, đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học về thích ứng và giảm thiểu tác động do BĐKH gây ra;

f) Sở Xây dựng

- Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng của ngành, trong đó có phân kỳ giai đoạn thực hiện cho phù hợp;

- Thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra công tác xây dựng để đảm bảo an toàn trong công tác ứng phó với thiên tai và BĐKH. Xây dựng kế hoạch nâng cấp

các công trình đã xuống cấp nhằm đảm bảo an toàn cho nhân dân; kế hoạch ứng cứu sự cố sập đổ các công trình xây dựng, nhà cao tầng khi có thiên tai xảy ra.

g) Sở Công thương

- Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng của ngành, trong đó có phân kỳ giai đoạn thực hiện cho phù hợp;

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đánh giá tác động của BĐKH đến ngành;

- Triển khai có hiệu quả các chương trình về sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo.

h) Sở Giao thông Vận tải

- Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng của ngành, trong đó có phân kỳ giai đoạn thực hiện cho phù hợp;

- Có phương án xây dựng kế hoạch tu bổ công trình giao thông thuộc phạm vi của ngành lồng ghép yếu tố BĐKH;

- Chịu trách nhiệm xây dựng và khắc phục hậu quả của BĐKH trong lĩnh vực giao thông vận tải.

i) Sở Thông tin và Truyền thông

- Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng của ngành, trong đó có phân kỳ giai đoạn thực hiện cho phù hợp;

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng việc thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh; thực hiện việc tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

k) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng của ngành, trong đó có phân kỳ giai đoạn thực hiện cho phù hợp;

- Thực hiện lồng ghép, tích hợp những kiến thức cơ bản BĐKH vào các chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường;

- Thực hiện rà soát cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục, có phương án tu bổ sửa chữa để đảm bảo an toàn khi xảy ra BĐKH và thiên tai.

l) Sở Y tế

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của ngành đã được phê duyệt; chỉ đạo các đơn vị y tế trong ngành triển khai thực hiện các công tác tuyên truyền, huấn luyện, đào tạo, giám sát, đánh giá... các hoạt động về chuẩn bị, đáp ứng công tác điều trị bệnh do tác động của BĐKH đến sức khỏe người dân.

m) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

- Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng của ngành, trong đó có phân kỳ giai đoạn thực hiện cho phù hợp;

- Lòng ghép nội dung tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BĐKH vào các hoạt động văn hóa, thể thao du lịch, trong các sự kiện và các hoạt động truyền thông của ngành.

n) Các Sở, ban, ngành liên quan và các tổ chức xã hội và doanh nghiệp

- Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động tham gia vào các hoạt động ứng phó với BĐKH, đặc biệt là lĩnh vực thông tin, giáo dục và truyền thông;

- Hỗ trợ và huy động sự tham gia của cộng đồng, phổ biến kinh nghiệm các mô hình ứng phó hiệu quả với BĐKH; thực hiện hoặc tham gia thực hiện các đề án, dự án trong Kế hoạch ứng phó với BĐKH của các ban, ngành, địa phương;

- Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng của ngành, trong đó có phân kỳ giai đoạn thực hiện cho phù hợp.

o) UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Trên cơ sở Kế hoạch hành động, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của địa phương, trong đó có phân kỳ giai đoạn thực hiện cho phù hợp;

- Tiến hành rà soát lại các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết trên địa bàn để lồng ghép các nội dung về BĐKH và nước biển dâng vào quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch các bãi rác; lập kế hoạch cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải khu dân cư,... nhằm ứng phó với BĐKH và đảm bảo phát triển bền vững;

- Công bố rộng rãi các dự án thu hút sự chú ý cộng đồng người dân, các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh, các tổ chức và cá nhân nước ngoài để huy động tất cả mọi nguồn lực tham gia thực hiện Kế hoạch.

(Kèm theo Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các sở, ban ngành, cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ (để t/hiện);
- T.Trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN ỨNG PHÓ VỚI BĐKH TỈNH THANH HÓA
GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
I	Nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực nhằm ứng phó với BĐKH						
1	Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	3.000	NSNN	Tiếp tục triển khai thực hiện
2	Ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sinh thái nhằm giảm thiểu tác động của quá trình đô thị hóa, thích ứng với BĐKH tỉnh Thanh Hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở NN&PTNT, Sở TNMT và các Sở ban ngành liên quan khác	2021-2030	12.000	NSTW, NSDP	Tiếp tục triển khai thực hiện
3	Xây dựng các mô hình thí điểm sử dụng vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch	Sở Công Thương	Các Sở ban ngành, thành phố, đoàn thể	2021-2030	100.000	NSNN, XHH	Tiếp tục triển khai thực hiện
4	Thực hiện các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng về BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH, sử dụng tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài nguyên và Môi trường Các cơ quan thông tấn báo chí và Đài truyền thanh cấp huyện	2021-2030	3.000	NSNN	Tiếp tục triển khai thực hiện
II	Triển khai công tác quy hoạch, phòng ngừa và ứng phó với BĐKH						
5	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản hiệu quả với sự xem xét trước mắt và lâu dài của BĐKH và NBD đảm bảo nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa ổn định và bền vững tại các huyện ven biển	Sở NN&PTNT	Sở TNMT, UBND các huyện, thị xã ven biển và các ban ngành liên quan	2021-2030	4.000	NSNN, XHH	Tiếp tục triển khai thực hiện

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
6	Quản lý tổng hợp dải ven biển tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã ven biển và các ban ngành liên quan	2021-2025	10.000	NSNN	Tiếp tục triển khai thực hiện
7	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường và biến đổi khí hậu	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở TT&TT, các Sở, ban ngành có liên quan	Đến 2050	10.000	NSNN	Tiếp tục triển khai thực hiện
8	Xây dựng cơ sở dữ liệu và lập bản đồ phân bố mô hình dịch bệnh	Sở Y tế	Sở KHĐT, Sở TNMT và các Sở, ban ngành có liên quan	2021-2030	10.000	NSNN	Bổ sung mới
9	Quy hoạch xây dựng khu dân cư, xác định những khu vực dễ bị tổn thương trong điều kiện BĐKH	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ban ngành liên quan	2021-2025	5.000	NSNN	Bổ sung mới
III	Đánh giá tác động của BĐKH tới các ngành, lĩnh vực, địa phương và đề xuất các giải pháp ứng phó						
10	Đánh giá biến động đường bờ tỉnh Thanh Hóa dưới tác động của BĐKH và NBD, đề xuất giải pháp bảo vệ đường bờ phục vụ phát triển kinh tế biển	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở NN&PTNT và các Sở ban ngành liên quan khác	2021-2030	25.000	NSNN	Tiếp tục triển khai thực hiện
11	Điều tra, đánh giá thực trạng và tác động của BĐKH, NBD đến xói lở và bồi lắng vùng cửa sông và ven biển tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở NN&PTNT và các Sở ban ngành liên quan khác	2021-2030	25.000	NSNN	Tiếp tục triển khai thực hiện
12	Đánh giá tác động của BĐKH đến sự biến động diện tích và cơ cấu sử dụng đất trên toàn tỉnh; đề xuất các giải pháp quy hoạch sử dụng đất cho tỉnh Thanh Hóa đến năm 2050	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành có liên quan	2021-2025	8.000	NSNN, ODA, XHH	Tiếp tục triển khai thực hiện

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
13	Đánh giá tác động của BĐKH và NBD tới nguồn lợi thủy sản vùng ven biển, cửa sông tỉnh Thanh Hóa	Sở NN&PTNT	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố ven biển	2022-2025	4.500	NSNN	Bổ sung mới
14	Đề xuất các giải pháp khoa học công nghệ chuyển đổi cơ cấu mùa vụ cây trồng vật nuôi và biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp với BĐKH	Sở NN&PTNT	Sở KHCN, Sở TNMT, UBND các huyện, thị xã và các ban ngành liên quan	2021-2030	10.000	NSNN	Tiếp tục triển khai thực hiện
15	Đánh giá tác động của BĐKH và NBD tới Khu kinh tế Nghi Sơn	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và KCN	Các Sở ban ngành và các địa phương liên quan	2021-2030	5.000	NSNN, nguồn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ	Bổ sung mới
16	Điều tra ứng dụng biện pháp kỹ thuật lâm sinh, trồng rừng ngập mặn gắn với nuôi trồng thủy sản bền vững góp phần ứng phó với BĐKH tại khu vực ven biển tỉnh Thanh Hóa	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thị xã ven biển và các ban ngành liên quan	2021-2023	5.000	NSNN	Bổ sung mới
IV	Triển khai thực hiện các dự án ứng phó với BĐKH						
17	Đầu tư xây dựng các trạm quan trắc môi trường tự động và bổ sung trang thiết bị phòng thí nghiệm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở NN&PTNT và các sở ban ngành có liên quan	2021-2030	160.000	NSNN, FDI, ODA	Tiếp tục triển khai thực hiện
18	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chiếu sáng công cộng trên địa bàn tỉnh	Sở Công thương	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	120.000	FDI, ODA	Bổ sung mới
19	Trồng cây xanh đảm bảo môi trường tại các tuyến đường giao thông đô thị	Sở Giao thông Vận tải	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và KCN, các Sở ban ngành và các địa phương liên quan	Đến 2050	30.000	NSNN, nguồn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ	Bổ sung mới

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
20	Xanh hóa các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố, BQL các khu điểm du lịch	Các Sở, Ban ngành và các địa phương có liên quan	Đến 2050	10.000	NSNN	Bổ sung mới
21	Dự án xây dựng hệ thống các trạm quan trắc kiểm soát tác động các chất thải-BVMT: 27 huyện, thị xã, thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã và các ban ngành liên quan	2021-2025	25.000	NSNN, FDI, nguồn vốn doanh nghiệp	Tiếp tục triển khai thực hiện
22	Dự án xây dựng tuyến đê biển qua 3 xã Hải Lĩnh, Ninh Hải và xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và KCN	Các Sở ban ngành và các địa phương liên quan	2021-2030	625	NSNN	Bổ sung mới
23	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải cho các cơ sở y tế	Sở Y tế	Sở KHĐT, Sở Tài chính, Sở TNMT, Sở Xây dựng	2021-2025	150.000	NSNN, nguồn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ	Bổ sung mới
24	Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hồ đập, đập ngăn mặn, kênh tưới, kênh tiêu trên địa bàn tỉnh	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Đến 2050	11.283.130	NSNN, ODA, nguồn vốn từ doanh nghiệp	Tiếp tục triển khai thực hiện
25	Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp đê biển, đê sông, kè chống sạt lở trên địa bàn tỉnh	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thị xã ven biển và các ban ngành liên quan	2021-2030	6.697.474	NSNN, ODA, nguồn vốn từ doanh nghiệp	Tiếp tục triển khai thực hiện
26	Các dự án Di dân tái định cư đã có theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 và các dự án di dân cấp bách phòng chống thiên tai không nằm trong ổn định dân cư theo Quyết định.	Sở NN&PTNT	UBND các huyện, thị xã, t.phố có liên quan	2021-2025	165.923	NSNN, ODA, nguồn vốn từ doanh nghiệp	Tiếp tục triển khai thực hiện và bổ sung mới
27	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các tòa nhà làm việc thông qua lắp đặt	Sở Công thương	Sở Xây dựng, UBND các	2021-2030	30.000	ODA, nguồn vốn từ doanh	Bổ sung mới

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	hệ thống điện mặt trời		huyện, thị xã, thành phố			ng nghiệp	
28	Hệ thống quan trắc cảnh báo lũ ống, lũ quét: 11 huyện miền núi	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã miền núi và các ban ngành liên quan	2021-2025	10.000	NSNN	Tiếp tục triển khai thực hiện
29	Dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn, miền núi bền vững ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa	Sở NN&PTNT	Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, t.phố có liên quan	2021-2025	544.500	NSNN, ODA	Bổ sung mới
30	Thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	Các doanh nghiệp kinh doanh, cơ sở lưu trữ, nhà hàng	2021-2030	10.000	NSNN, nguồn vốn từ doanh nghiệp	Bổ sung mới
31	Xây dựng giải pháp, triển khai ứng dụng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với KCN, CCN	Sở Công thương	Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp	Đến 2050	50.000	NSNN, các nguồn vốn từ tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp	Bổ sung mới
32	Cải tạo, phục hồi môi trường Núi Chuột Chù tại KKT Nghi Sơn	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và KCN	Các Sở ban ngành và các địa phương liên quan	2021-2030	28.600	Ngân sách nhà nước	Bổ sung mới
33	Mở rộng mương thoát nước phía Nam dọc tuyến 513	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và KCN	Các Sở ban ngành và các địa phương liên quan	2021-2030	5.500	Ngân sách nhà nước	Bổ sung mới
	Tổng kinh phí	19.560.252 triệu đồng (Bằng chữ: Mười chín nghìn năm trăm sáu mươi tỷ, hai trăm năm hai triệu đồng)					